

CÔNG TY CPĐT VÀ PT CÔNG NGHỆ VĂN LANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 01/2021/CBTT-VLA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Giải trình chênh lệch Năm 2020

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**Kính gửi:****Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**
2. Mã chứng khoán: **VLA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: **Số 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**
4. Điện thoại: **04.35121610** Fax: **04.35121611**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Hoàng Thị Xuân Hòa**
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1. Báo cáo tài chính Năm của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang được lập ngày 13 tháng 01 năm 2021 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2. Nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang Năm 2020 đạt 17,43 triệu đồng, giảm 1.121,53 triệu đồng tương ứng 98,46% so với cùng kỳ năm 2019. Doanh nghiệp xin giải trình như sau:  
Doanh thu bán hàng giảm 2.314,12 triệu đồng tương ứng 22,91% và giá vốn hàng bán giảm 3.031,78 triệu đồng tương ứng 46,3%.  
Doanh thu hoạt động tài chính giảm 1.117,42 triệu đồng tương ứng 65,74% và chi phí tài chính giảm 2,96 triệu đồng tương ứng 23,58%
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.vla.vn](http://www.vla.vn)>Dành cho cổ đông  
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu: TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/****NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT****Hoàng Thị Xuân Hòa**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020  
( đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính	34
Phụ lục 02: Vốn chủ sở hữu	35

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 08 năm 2018.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN**

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 Ông Nguyễn Hữu Thuận được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc thay cho Ông Nguyễn Thanh Tùng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Nguyễn Thành Tiến	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)
Ông: Lê Thành Anh	Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/05/2020)
Ông Vũ Trung Chính	Phó Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/05/2020)
Ông: Nguyễn Hữu Thuận	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)
Ông: Nguyễn Văn Đức	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)
Ông: Trần Quang Thịnh	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30/07/2020)
Ông: Đặng Việt Mạnh	Ủy viên HĐQT
Ông: Lê Hoài Thanh	Ủy viên HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/05/2020)
Ông: Nguyễn Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT (Từ nhiệm ngày 14/05/2020)

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông: Nguyễn Hữu Thuận	Giám đốc ( Bỏ nhiệm ngày 12/01/2021)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Giám đốc ( Miễn nhiệm ngày 12/01/2021)
Ông: Đặng Việt Mạnh	Phó Giám đốc
Ông: Nguyễn Thành Tiến	Phó Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 25/05/2020)

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông: Trần Công Thanh	Trưởng ban ( Bỏ nhiệm ngày 30/07/2020)
Bà: Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng ban ( Từ nhiệm ngày 14/05/2020)
Ông: Phạm Tuấn Anh	Ủy viên
Ông: Ngô Quốc Cường	Ủy viên ( Bỏ nhiệm ngày 30/07/2020)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**TM. Ban Giám đốc**

**Giám đốc**



**Nguyễn Hữu Thuận**



Số : 24/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang*

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông**

**Hội đồng Quản trị**

**Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán báo cáo tài cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn lang được lập ngày 13 tháng 01 năm 2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 35 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã trung thực, hợp lý không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp là cơ sở ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của *Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang* tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
Số: 0739-2018-133-1*

*Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021*

**Kiểm toán viên**

**Phạm Thu Hà**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán  
số 0570-2018-133-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>10.741.819.315</b>	<b>14.182.488.501</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.920.405.851	3.071.637.289
111	1. Tiền		1.920.405.851	1.771.637.289
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.300.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>8.347.622.432</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	968.601.835
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	(120.979.403)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	7.500.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.346.364.195</b>	<b>2.303.471.965</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.703.183.259	2.195.007.346
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.711.220	414.756
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7a	737.469.716	212.049.863
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(98.000.000)	(104.000.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>459.607.988</b>	<b>459.756.815</b>
141	1. Hàng tồn kho		459.607.988	459.756.815
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15.441.281</b>	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13a	-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	15.441.281	-
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.103.166.460</b>	<b>4.014.339.669</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7b	10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>940.227.522</b>	<b>989.713.182</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		753.454.249	753.454.249
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(753.454.249)	(753.454.249)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	940.227.522	989.713.182
228	- Nguyên giá		989.713.182	989.713.182
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(49.485.660)	-
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>4.124.044.818</b>	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.124.044.818	2.738.663.091
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>28.894.120</b>	<b>275.963.396</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13b	28.894.120	275.963.396
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>15.844.985.775</b>	<b>18.196.828.170</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>241.783.556</b>	<b>1.099.055.044</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>241.783.556</b>	<b>1.099.055.044</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.180.000	404.020.926
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	51.200.000	105.572.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	186.694.570	429.026.204
322	4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		708.986	160.435.914
323	5. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	6. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
<b>400</b>	<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>15.603.202.219</b>	<b>17.097.773.126</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>15.603.202.219</b>	<b>17.097.773.126</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.800.000.000	10.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.800.000.000	10.800.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		174.697.520	174.697.520
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.151.046.342	3.151.046.342
419	4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.477.458.357	2.972.029.264
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.460.029.264	2.072.253.928
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		17.429.093	899.775.336
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>15.844.985.775</b>	<b>18.196.828.170</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phạm Thị Thu Thủy



Hoàng Thị Xuân Hòa




Nguyễn Hữu Thuận

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	7.788.843.167	10.102.960.706
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		7.788.843.167	10.102.960.706
11	4. Giá vốn hàng bán	19	3.516.807.992	6.548.586.666
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		4.272.035.175	3.554.374.040
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	582.349.295	1.699.766.346
22	7. Chi phí tài chính	21	9.582.590	12.539.368
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
25	8. Chi phí bán hàng	22	156.870.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.654.123.184	3.789.260.606
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		33.808.696	1.452.340.412
31	11. Thu nhập khác	24	750.000	3.000.000
32	12. Chi phí khác	25	4.992.779	29.634.000
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(4.242.779)	(26.634.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		29.565.917	1.425.706.412
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	12.136.824	286.750.290
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		17.429.093	1.138.956.122
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	16,14	1.054,59
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Hòa

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	8.976.705.095	11.146.966.296
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(3.156.053.593)	(5.790.856.430)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(3.994.241.663)	(4.184.423.039)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(268.914.924)	(99.828.480)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	506.850.000	2.818.965.986
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(2.675.451.923)	(4.112.206.584)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(611.107.008)</b>	<b>(221.382.251)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.277.290.818)	(3.102.748.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.000.000.000)	(4.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.499.763.120	4.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.920.700)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.809.717.898
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	749.403.268	1.682.616.526
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>971.875.570</b>	<b>1.382.665.179</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.512.000.000)	(843.692.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(1.512.000.000)</b>	<b>(843.692.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>(1.151.231.438)</b>	<b>317.590.928</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>3.071.637.289</b>	<b>2.754.046.361</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>1.920.405.851</b>	<b>3.071.637.289</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Xuân Hòa

Giám đốc



Nguyễn Hữu Thuận

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102459018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 08 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 81, đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty: 10.800.000.000 đồng. (Bằng chữ: Mười tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn./.).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 1.080.000 cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên: 13 người

**Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất và cung cấp dịch vụ phần mềm.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của công ty là:

- Xuất bản phần mềm. Chi tiết: Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho hàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Lập trình máy tính. Chi tiết: Xây dựng hệ thống Website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: buôn bán máy tính.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

## **2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3. Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban

đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo: Chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **2.8. Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Thiết bị dụng cụ quản lý 03 năm

### **2.9. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

### **2.10. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



## 2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.12. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

### **2.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.14. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### ***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### ***c. Ưu đãi thuế***

Theo thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; và Công văn trả lời số 3054/CT-HTr ngày 18/03/2008 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ phần mềm, Công ty áp dụng tại mức thuế suất là 10% trong thời hạn là 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2008). Công ty được miễn thuế trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính 2008 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế trong lĩnh vực hoạt động này, do đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (2008-2011) và giảm trong 9 năm tiếp theo (2012-2020).

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 quy định doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ sẽ được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp.

### ***d. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành***

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 20% đối với hoạt động bán máy tính, linh kiện khác

- Thuế suất 5% đối với hoạt động cài đặt, xây dựng bảo trì phần mềm tin học, xây dựng website.

### **2.16. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### **2.17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	260.203.370	24.383.879
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.660.202.481	1.747.253.410
Các khoản tương đương tiền	-	1.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.920.405.851</b>	<b>3.071.637.289</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>1.703.183.259</b>	<b>2.195.007.346</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	798.000.000	1.363.748.953
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	135.446.259	183.500.893
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	120.237.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	649.500.000	647.757.500
<b>Cộng</b>	<b>1.703.183.259</b>	<b>2.195.007.346</b>

**b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	798.000.000	1.363.748.953
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	135.446.259	183.500.893
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	85.800.000	102.800.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	8.500.000	
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	120.237.000	
Công ty cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	55.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng		40.000.000
Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	60.000.000	31.000.000
Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh		13.500.000
Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	13.500.000	13.500.000
Công ty cổ phần Sách Dân tộc		26.334.000
Công ty cổ phần Học Liệu		30.000.000
Công ty cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông		7.023.000
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây		63.740.500
Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Hòa Bình		3.000.000
Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Tiền Giang	58.500.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.334.983.259</b>	<b>1.914.147.346</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>3.711.220</b>	<b>414.756</b>
Công ty TNHH Viettel - CHT	3.000.000	
Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	711.220	414.756
<b>Cộng</b>	<b>3.711.220</b>	<b>414.756</b>

## 7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>737.469.716</b>	<b>-</b>	<b>212.049.863</b>	<b>-</b>
Kinh phí công đoàn	1.243.426	-	-	-
Tạm ứng	507.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	204.995.890	-	197.049.863	-
Dư nợ tài khoản 3388	24.230.400	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>747.469.716</b>	<b>-</b>	<b>222.049.863</b>	<b>-</b>

## 8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>98.000.000</b>	<b>-</b>	<b>104.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH Sách và VH phẩm Quảng Lợi	12.000.000	-	12.000.000	-
- Công ty Cổ phần sách	68.000.000	-	68.000.000	-
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Thanh	6.000.000	-	6.000.000	-
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Hà	-	-	6.000.000	-
- Công ty Cổ phần sách và thiết bị trường học Tuyên Quang	12.000.000	-	12.000.000	-

## 9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	459.607.988	-	459.756.815	-
<b>Cộng</b>	<b>459.607.988</b>	<b>-</b>	<b>459.756.815</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm là: 0 đồng

### 10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND  
Tổng cộng

	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		
- Mua trong năm	753.454.249	753.454.249
<b>Số dư cuối năm</b>		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm		
- Khấu hao trong năm	753.454.249	753.454.249
<b>Số dư cuối năm</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm		
<b>Tại ngày cuối năm</b>		
	-	-
	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 753.454.249 đồng

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là: 0 đồng

### 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		
- Đầu tư XDCCB hoàn thành	989.713.182	989.713.182
<b>Số dư cuối năm</b>		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm		
- Khấu hao trong năm	49.485.660	-
<b>Số dư cuối năm</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	989.713.182	989.713.182
<b>Tại ngày cuối năm</b>		
	940.227.522	989.713.182

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 31/12/2020 là: 0 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2020 là: 0 VND.

### 12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	4.124.044.818	2.738.663.091
- Dự án phần mềm quản lý doanh nghiệp	4.124.044.818	2.738.663.091
<b>Cộng</b>	<b>4.124.044.818</b>	<b>2.738.663.091</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>28.894.120</b>	<b>275.963.396</b>
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		
- Các khoản khác	28.894.120	275.963.396
+ Dịch vụ cloud server	28.894.120	275.963.396
<b>Cộng</b>	<b>28.894.120</b>	<b>275.963.396</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH thiết bị kỹ thuật tin học Hải Anh	3.180.000	3.180.000		
Công ty TNHH công nghệ Vtek Việt Nam			361.555.926	361.555.926
Phải trả các đối tượng khác			42.465.000	42.465.000
<b>Cộng</b>	<b>3.180.000</b>	<b>3.180.000</b>	<b>404.020.926</b>	<b>404.020.926</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>51.200.000</b>	<b>105.572.000</b>
Công ty cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Bình Dương	25.000.000	
Công ty cổ phần Sách Thiết bị trường học Lào Cai	25.000.000	
Công ty TNHH Công nghệ Vtek Việt Nam		100.000.000
Các đối tượng khác	1.200.000	5.572.000
<b>Cộng</b>	<b>51.200.000</b>	<b>105.572.000</b>
<b>b. Người mua trả tiền trước la các bên liên quan</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội		4.372.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.372.000</b>



**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	39.006.538	96.282.860	107.095.831		28.193.567
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	241.336.819	12.136.824	268.914.924	15.441.281	
Thuế Thu nhập cá nhân	-	148.682.847	938.375.306	928.557.150		158.501.003
Các loại thuế khác	-	-	6.770.052	6.770.052		
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>429.026.204</b>	<b>1.053.565.042</b>	<b>1.311.337.957</b>	<b>15.441.281</b>	<b>186.694.570</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

(Chi tiết phụ lục số 02)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Vốn góp của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
- Vốn góp của đối tượng khác	9.720.000.000	9.720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.800.000.000	10.800.000.000
+ Vốn góp đầu năm	10.800.000.000	10.800.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối năm	10.800.000.000	10.800.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.080.000	1.080.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.080.000	1.080.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	1.925.256.500	613.941.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.863.586.667	9.489.019.706
<b>Cộng</b>	<b>7.788.843.167</b>	<b>10.102.960.706</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	948.000.000	3.471.113.706
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	853.388.000	580.696.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	748.330.000	526.910.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	549.680.000	582.680.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	881.943.000	758.488.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	94.000.000	54.000.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	310.000.000	124.000.000
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	48.000.000	48.000.000
Công ty CP Sách dân tộc	104.071.500	101.760.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	48.000.000	48.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	110.000.000	67.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường PTCN Giáo dục		72.218.000
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	84.000.000	305.575.000
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	14.666.667	16.000.000
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	16.500.000	25.200.000
Tạp chí Toán Tuổi thơ	16.500.000	18.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng		12.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	42.000.000	92.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	267.000.000	498.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	549.000.000	360.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	122.000.000	128.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	186.800.000	261.200.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	34.000.000	34.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	120.000.000	158.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	144.000.000	196.000.000

<b>Doanh thu với các bên liên quan ( tiếp theo)</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	122.000.000	36.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	171.600.000	231.600.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	54.000.000	94.000.000
Công ty CP In Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh	6.000.000	6.000.000
Công ty CP Học liệu	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Thuận		12.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Hòa Bình		12.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Quảng Trị		24.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Định	24.000.000	62.000.000
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	50.000.000	
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Tiền Giang	86.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.889.479.167</b>	<b>9.136.440.706</b>
<b>19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.280.346.491	562.818.756
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.236.461.501	5.985.767.910
<b>Cộng</b>	<b>3.516.807.992</b>	<b>6.548.586.666</b>
<b>20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	431.581.689	579.894.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	102.310.000	474.000.000
Lãi từ bán các khoản đầu tư	48.457.606	645.872.102
<b>Cộng</b>	<b>582.349.295</b>	<b>1.699.766.346</b>
<b>21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		5.500.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	7.000.000	
Chi phí tài chính khác	2.582.590	7.039.368
<b>Cộng</b>	<b>9.582.590</b>	<b>12.539.368</b>
<b>22. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí khác bằng tiền	156.870.000	
<b>Cộng</b>	<b>156.870.000</b>	<b>-</b>
<b>23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên, vật liệu		70.723.007
Chi phí nhân công	3.829.228.334	2.050.676.610
Chi phí dự phòng	(6.000.000)	24.000.000
Thuế, phí, lệ phí	137.472.443	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.847.916	785.146.186
Chi phí khác bằng tiền	421.574.491	855.714.803
<b>Cộng</b>	<b>4.654.123.184</b>	<b>3.789.260.606</b>

**24. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	750.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>750.000</b>	<b>3.000.000</b>

**25. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản bị phạt	4.992.779	20.140.663
Chi phí khác		9.493.337
<b>Cộng</b>	<b>4.992.779</b>	<b>29.634.000</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động bán hàng hóa</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(196.158.356)	1.378.392.385
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	1.378.392.385
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)</b>	<b>-</b>	<b>275.678.477</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động cung cấp dịch vụ phần mềm</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	225.724.273	(399.551.973)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	225.724.273	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (5%)</b>	<b>11.286.214</b>	<b>-</b>
<i>Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020</i>	<i>3.385.864</i>	
<i>Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	<i>4.236.474</i>	<i>11.071.813</i>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</b>	<b>12.136.824</b>	<b>286.750.290</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	241.336.819	54.415.009
Thuế TNDN đã nộp trong năm	268.914.924	99.828.480
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(15.441.281)</b>	<b>241.336.819</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	17.429.093	1.138.956.122
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17.429.093	1.138.956.122
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.080.000	1.080.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,14	1.054,59

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu		70.723.007
Chi phí nhân công	5.410.562.791	4.260.016.114
Thuế, phí, lệ phí	138.688.963	3.000.000
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	(6.000.000)	24.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	275.996.556	807.241.534
Chi phí khác bằng tiền	580.076.310	892.998.455
<b>Cộng</b>	<b>6.399.324.620</b>	<b>6.057.979.110</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Tài sản tài chính	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.920.405.851		3.071.637.289	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.450.652.975	(98.000.000)	2.417.057.209	(104.000.000)
Các khoản cho vay	-		-	
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000	-	8.468.601.835	(120.979.403)
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.371.058.826</b>	<b>(98.000.000)</b>	<b>13.957.296.333</b>	<b>(224.979.403)</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ kế toán	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	3.180.000	404.020.926
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.180.000</b>	<b>404.020.926</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Đầu tư ngắn hạn	6.000.000.000			6.000.000.000
Đầu tư dài hạn		-		
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.000.000.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Đầu tư ngắn hạn	8.468.601.835			8.468.601.835
Đầu tư dài hạn		-		-
<b>Cộng</b>	<b>8.468.601.835</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.468.601.835</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.920.405.851			1.920.405.851
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.440.652.975	10.000.000		2.450.652.975
<b>Cộng</b>	<b>4.361.058.826</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>4.371.058.826</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.071.637.289			3.071.637.289
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.407.057.209	10.000.000		2.417.057.209
<b>Cộng</b>	<b>5.478.694.498</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.488.694.498</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	3.180.000	-	-	3.180.000
<b>Cộng</b>	<b>3.180.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.180.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán, phải trả	404.020.926	-	-	404.020.926
Chi phí phải trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>404.020.926</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>404.020.926</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 Ông Nguyễn Hữu Thuận được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc thay cho Ông Nguyễn Thanh Tùng.

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng
	Đơn vị tính: VND		
Doanh thu thuần ra bên	1.925.256.500	5.863.586.667	7.788.843.167
Chi phí bộ phận	1.280.346.491	2.236.461.501	3.516.807.992
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>-</b>	<b>3.627.125.166</b>	<b>4.272.035.175</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>	<b>1.307.282.291</b>	<b>3.503.710.893</b>	<b>4.810.993.184</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(662.372.282)	123.414.273	(538.958.009)
Doanh thu hoạt động tài	480.039.295	102.310.000	582.349.295
Chi phí tài chính	9.582.590	-	9.582.590
Thu nhập khác	750.000	-	750.000
Chi phí khác	4.992.779	-	4.992.779
Thuế TNDN hiện hành	-	12.136.824	12.136.824
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(196.158.356)</b>	<b>213.587.449</b>	<b>17.429.093</b>

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty sở hữu 10% vốn
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Viện nghiên cứu sách và học liệu Giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Trung tâm Công nghệ Giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách dân tộc	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách điện tử giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường PTCN Giáo dục	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại TP. Hà Nội	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Tạp chí Toán Tuổi thơ	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP In Sách giáo khoa Hòa Phát	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP In Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Học liệu	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Thuận	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Cần Thơ	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Hòa Bình	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Hà Tĩnh	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Quảng Trị	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Định	Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam



**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty CP In- phát hành sách và thiết bị trường học  
Quảng Nam  
Công ty CP Sách thiết bị Vĩnh Long  
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre  
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Tiền Giang

Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam  
Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam  
Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam  
Công ty thành viên của nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

<b>Bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	948.000.000	3.471.113.706
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	853.388.000	580.696.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	748.330.000	526.910.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	549.680.000	582.680.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	881.943.000	758.488.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	94.000.000	54.000.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	310.000.000	124.000.000
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	48.000.000	48.000.000
Công ty CP Sách dân tộc	104.071.500	101.760.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	48.000.000	48.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	110.000.000	67.000.000
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	84.000.000	305.575.000
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	14.666.667	16.000.000
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	16.500.000	25.200.000
Tạp chí Toán Tuổi thơ	16.500.000	18.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	42.000.000	92.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	267.000.000	498.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	549.000.000	360.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	122.000.000	128.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	186.800.000	261.200.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	34.000.000	34.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	120.000.000	158.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	144.000.000	196.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	122.000.000	36.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	171.600.000	231.600.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	54.000.000	94.000.000
Công ty CP In Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh	6.000.000	6.000.000
Công ty CP Học liệu	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Định	24.000.000	62.000.000
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	50.000.000	
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Tiền Giang	86.000.000	36.000.000

**Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	1.513.748.953	3.109.151.853
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	655.273.193	93.980.043
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	806.363.000	740.977.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	443.711.000	642.754.600
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	937.648.300	854.327.800
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	94.000.000	54.000.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hà Nội	281.000.000	121.000.000
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	48.000.000	72.000.000
Công ty CP Sách dân tộc	134.212.650	79.002.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	55.023.000	36.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	55.000.000	91.000.000
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	147.740.500	297.352.000
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	14.666.667	16.000.000
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	16.500.000	25.920.000
Tạp chí Toán Tuổi thơ	16.500.000	18.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	42.000.000	92.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	267.000.000	498.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	601.200.000	332.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Đà Nẵng	122.000.000	128.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	203.800.000	158.400.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	25.500.000	34.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	120.000.000	185.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	146.400.000	199.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	122.000.000	54.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	171.600.000	231.600.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	67.500.000	80.500.000
Công ty CP In Sách giáo khoa TP. Hồ Chí Minh	6.000.000	6.000.000
Công ty CP Học liệu	90.000.000	75.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị Bình Định	24.000.000	62.000.000
Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục	50.000.000	
Công ty CP Sách thiết bị Bến Tre	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Sách và thiết bị trường học Tiền Giang	63.500.000	30.000.000
Công ty cổ phần Sách và thiết bị trường học Hòa Bình	3.000.000	21.000.000

**Bù trừ công nợ**

Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	281.896.241	330.964.664
----------------------------------	-------------	-------------

**Mua hàng hóa, dịch vụ**

Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	281.896.241	330.964.664
----------------------------------	-------------	-------------

**b. Thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát**

Trong năm, Công ty không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2021

**Người lập biểu**



**Phạm Thị Thu Thủy**

**Kế toán trưởng**



**Hoàng Thị Xuân Hòa**

**Giám đốc**



**Nguyễn Hữu Thuận**

**Phụ lục số 01**

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	-	-	-	-	968.601.835	1.162.800.000 (120.979.403)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (mã: EID)	-	-	-	78.700	786.622.432	1.101.800.000
- Công ty CP Nhiệt điện Ninh Bình (mã: NBP)	-	-	-	5.000	181.979.403	61.000.000 (120.979.403)
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>						
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Hoàn Kiếm		6.000.000.000			7.500.000.000	-
+ Kỳ hạn 06 tháng		3.000.000.000			4.500.000.000	-
+ Kỳ hạn 12 tháng		1.500.000.000				-
- Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Ba Đình		1.500.000.000			4.500.000.000	-
+ Kỳ hạn 12 tháng		3.000.000.000			3.000.000.000	-
+ Kỳ hạn 13 tháng		1.000.000.000			3.000.000.000	-
		2.000.000.000				-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Số 81 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Phụ lục số 02

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>3.071.319.413</b>	<b>2.936.253.928</b>	<b>16.982.270.861</b>
- Tăng vốn trong năm trước					
- Lãi trong năm trước				1.138.956.122	1.138.956.122
- Tăng khác					
- Trích lập các quỹ			79.726.929	(239.180.786)	(159.453.857)
- Giảm vốn trong năm trước					
- Lỗ trong năm trước					
- Cổ tức					
- Giảm khác				(843.692.000)	(843.692.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>3.151.046.342</b>	<b>2.972.029.264</b>	<b>17.097.773.126</b>
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay				17.429.093	17.429.093
- Tăng khác					
- Trích lập các quỹ					
- Giảm vốn trong năm nay					
- Lỗ trong năm nay					
- Cổ tức				(1.512.000.000)	(1.512.000.000)
- Giảm khác					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>174.697.520</b>	<b>3.151.046.342</b>	<b>1.477.458.357</b>	<b>15.603.202.219</b>